TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **57**/2019/DSST
Ngày: 22/10/2019.
V/v:*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Phương Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Trần Thị Lệ.

2. Ông: Nguyễn Quốc Tiến.

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Tú** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 103/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2019, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Phạm Văn P**, sinh năm: 1967. (Có mặt)

Bà **Lê Thị Hồng Đ**, sinh năm: 1969. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 51B đường Trương Định, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Ph.** (Vắng mặt)

Bà **Nguyễn Thị P.** (Vắng mặt)

Địa chỉ: Lô C2-37 đường Châu Văn Liêm, khu phố 4, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Văn P và bà Lê Thị Hồng Đ cùng thống nhất trình bày:*

Do là chỗ quen biết, nên vợ chồng ông Phạm Văn P và bà Lê Thị Hồng Đ có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị P vay tiền 02 lần, cụ thể như sau:

- Ngày 02/8/2018, vợ chồng ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị P có vay của bà Lê Thị Hồng Đ số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, hẹn đến cuối tháng 3/2019 sẽ trả. Nhưng kể từ ngày vay đến nay, ông Ph và bà P không đóng lãi cũng như không trả nợ gốc như đã thỏa thuận.

- Ngày 10/7/2018, ông Nguyễn Văn Ph có vay của ông Phạm Văn P số tiền 136.676.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, hẹn đến ngày 30/3/2019 sẽ trả hết số tiền trên. Nhưng từ khi vay đến nay, ông Ph không đóng lãi cũng như không trả nợ gốc như đã thỏa thuận.

Vợ chồng ông P và bà Đ đã yêu cầu ông Ph và bà P trả nợ nhiều lần, ông Ph và bà P cứ hứa hẹn nhiều lần nhưng vẫn không trả.

Tại phiên tòa, ông Phạm Văn P và bà Lê Thị Hồng Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông bà xác định hai khoản tiền cho vay đều là nguồn tiền chung trong gia đình, nên yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị P cùng liên đới trả cho vợ chồng ông bà số tiền vay vốn gốc là 236.676.000 đồng (Hai trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) và lãi suất tính theo quy định của pháp luật kể từ ngày 02/8/2018 đối với 02 khoản nợ vay cho đến khi xét xử vụ án, yêu cầu trả một lần dứt toàn bộ số nợ nêu trên.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không tham gia tố tụng.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Phạm Văn P và bà Lê Thị Hồng Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị P trả số tiền nợ vay 236.676.000 đồng (Hai trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn đồng), lãi suất tính theo quy định của pháp luật kể từ ngày 02/8/2018 đối với 02 khoản nợ vay cho đến khi xét xử vụ án. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại Đơn xin yêu cầu xác nhận địa chỉ ngày 02/4/2019 của ông Phạm Văn P và bà Lê Thị Hồng Đ cung cấp cho Tòa án, thì chính quyền địa phương đã xác nhận ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị P

hiện nay vẫn đang sinh sống tại địa chỉ Lô C2-37 đường Châu Văn Liêm, khu phố 4, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị P vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn ông Phạm Văn P và bà Lê Thị Hồng Đ yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị P cùng liên đới trả cho vợ chồng ông bà số tiền vay vốn gốc là 236.676.000 đồng (Hai trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) và lãi suất tính theo quy định của pháp luật kể từ ngày 02/8/2018 đối với 02 khoản nợ vay cho đến khi xét xử vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 02/8/2018, thể hiện là phía bị đơn ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị P có vay của bà Lê Thị Hồng Đ số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, hẹn đến cuối tháng 3/2019 sẽ trả; và căn cứ vào Biên nhận nhận tiền ngày 10/7/2018, thể hiện là phía bị đơn ông Nguyễn Văn Ph có vay của ông Phạm Văn P số tiền 136.676.000 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi sáu nghìn đồng), lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, hẹn đến ngày 30/3/2019 sẽ trả, nhưng cho đến nay vẫn chưa trả. Theo phía nguyên đơn trình bày thì Biên nhận nhận tiền và Giấy mượn tiền này đều do phía bị đơn tự viết và ký tên. Đồng thời, quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị P không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không giao nộp chứng cứ có liên quan đến giao dịch vay tiền của hai bên, không đến Tòa án tham dự phiên tòa, và Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của nguyên đơn, căn cứ vào các hợp đồng vay tiền trên để xác định bị đơn ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị P có vay của ông Phạm Văn P và bà Lê Thị Hồng Đ 02 lần với tổng số tiền nợ gốc là 236.676.000 đồng (Hai trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Do phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như cam kết, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của phía nguyên đơn, do đó phía nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị P phải trả tiền nợ gốc 236.676.000 đồng (Hai trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Về yêu cầu tính lãi suất: Ông Phạm Văn P và bà Lê Thị Hồng Đ yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ kể từ ngày 02/8/2018 đối với 02 khoản nợ vay cho đến khi xét xử vụ án. Xét thấy, ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết (ngày 30/3/2019) thì phải trả lãi đối

với khoản nợ đã chậm trả, đồng thời trong giấy vay tiền cũng thể hiện thỏa thuận lãi suất của bị đơn đối với nguyên đơn nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu tính lãi này của nguyên đơn.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, thì lãi suất được tính là 20%/năm, tương ứng là 1,66%/tháng.

[5] Về trách nhiệm liên đới của bà Nguyễn Thị P đối với số nợ 136.676.000 đồng mà ông Nguyễn Văn Ph đã vay ngày 10/7/2018. Mặc dù bà P không có ký tên vào giấy vay tiền, nhưng bà P và ông Ph là vợ chồng, đây là khoản vay trong thời kỳ hôn nhân nên căn cứ vào Điều 27, khoản 1 Điều 30, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc bà Nguyễn Thị P phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng ông Nguyễn Văn Ph.

[6[Về thời hạn thanh toán: Xét thấy ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị P đã vi phạm thời hạn trả nợ, từ khi hết thời hạn cam kết ngày 30/3/2019 đến nay, ông Ph và bà P cũng không thanh toán khoản tiền nào cho ông P và bà Đ. Như vậy, cho thấy ông Ph và bà P đã không có thiện chí trả nợ, nên yêu cầu của ông P và bà Đ buộc ông Ph và bà P trả hết nợ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là chính đáng, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định và phân tích như trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị P phải trả cho vợ chồng ông Phạm Văn P và bà Lê Thị Hồng Đ số tiền cụ thể như sau:

+ Nợ gốc: 236.676.000 đồng.

+ Lãi suất tính từ ngày 02/8/2018 đến ngày xét xử 22/10/2019 là: 14 tháng 20 ngày x 1,66%/tháng x 236.676.000 đồng = 57.622.716 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi là: 236.676.000 đồng + 57.622.716 đồng = **294.298.716** đồng.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là: (294.298.716 đồng x 5%) = 14.714.935 đồng.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn ông Phạm Văn P và bà Lê Thị Hồng Đ không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông P và bà Đ số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ: Điều 27, khoản 1 Điều 30, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn P và bà Lê Thị Hồng Đ.

Buộc ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị P phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Phạm Văn P và bà Lê Thị Hồng Đ số tiền **294.298.716** đồng (Trong đó: nợ gốc là 236.676.000 đồng, lãi suất tính từ ngày 02/8/2018 đến ngày xét xử 22/10/2019 là 57.622.716 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là: (294.298.716 đồng x 5%) = 14.714.935 đồng.

Hoàn trả cho ông Phạm Văn P và bà Lê Thị Hồng Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.312.000 đồng (Bảy triệu ba trăm mười hai nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0003830 ngày 12/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[3] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Chi cục THSDA TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Phương Thanh